



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 2 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 2 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm

Chủ tịch

Ông Ngô Quốc Nam

Phó Chủ tịch (đến ngày 1/12/2017)

Ông Nguyễn Văn Miêng

Thành viên

Ông Nguyễn Xuân Vũ

Thành viên

Ông Trần Ngọc Khanh

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng

Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Khanh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Vũ

Giám đốc Điều hành

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc Điều hành

Bà Nguyễn Thị Khánh

Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu

Phường Ngô Quyền

Thành phố Nam Định

Tỉnh Nam Định

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-143-f



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		408.610.614.122	439.868.132.054
Tiền	110	4	29.150.305.707	8.249.659.402
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.000.000.000	121.392.729.421
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	91.000.000.000	121.392.729.421
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.287.133.116	191.495.355.624
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	162.008.913.977	158.560.925.367
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.641.166.814	2.820.956.654
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	7.600.000.000	7.610.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.058.546.777	26.261.187.174
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(4.021.494.452)	(3.757.713.571)
Hàng tồn kho	140	10	93.519.394.663	114.713.560.159
Hàng tồn kho	141		99.378.478.122	116.720.414.739
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.859.083.459)	(2.006.854.580)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.653.780.636	4.016.827.448
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	2.118.032.051	48.282.028
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.392.922.141	3.444.925.030
Thuế phải thu Nhà nước	153	16	1.142.826.444	523.620.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		719.785.126.406	396.507.821.587
Tài sản cố định	220		292.501.714.527	174.318.581.754
Tài sản cố định hữu hình	221	11	291.997.714.527	173.751.581.754
Nguyên giá	222		643.620.685.033	532.378.510.872
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.622.970.506)	(358.626.929.118)
Tài sản cố định vô hình	227		504.000.000	567.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.000.000)	(131.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.678.359.689	5.652.683.095
Nguyên giá	231		11.191.936.286	9.660.565.377
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.513.576.597)	(4.007.882.282)
Tài sản dở dang dài hạn	240		327.532.582.128	121.671.392.258
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	327.532.582.128	121.671.392.258
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	84.477.469.426	84.905.516.870
Đầu tư vào công ty con	251		57.776.239.633	57.776.239.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		25.352.674.793	25.352.674.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.348.555.000	1.776.602.444
Tài sản dài hạn khác	260		8.595.000.636	9.959.647.610
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	8.595.000.636	9.959.647.610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.128.395.740.528	836.375.953.641

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		920.149.652.156	668.348.201.767
Nợ ngắn hạn	310		406.661.563.599	433.311.511.245
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	143.531.660.724	101.850.087.209
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.236.610.188	226.077.871
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	96.029.955	728.280.542
Phải trả người lao động	314		8.502.508.369	9.354.839.157
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.534.435.826	1.484.276.689
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	2.166.538.744	5.785.672.004
Vay ngắn hạn	320	19(a)	248.397.796.470	312.511.845.523
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	1.195.983.323	1.370.432.250
Nợ dài hạn	330		513.488.088.557	235.036.690.522
Phải trả người bán dài hạn	331	15	29.096.292.462	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	3.554.323.061	4.289.700.869
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	26.331.923.822	75.001.549.556
Vay dài hạn	338	19(b)	454.505.549.212	155.745.440.097
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		208.246.088.372	168.027.751.874
Vốn chủ sở hữu	410	22	208.246.088.372	168.027.751.874
Vốn cổ phần	411	23	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	20.959.282.666	10.193.875.041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.286.805.706	21.833.876.833
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.014.314.134	6.138.035.730
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		48.272.491.572	15.695.841.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.128.395.740.528	836.375.953.641

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	769.815.629.322	644.330.390.984
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	-	52.663.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	769.815.629.322	644.277.727.374
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	740.328.860.195	614.892.625.217
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		29.486.769.127	29.385.102.157
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	42.226.672.022	23.198.416.184
Chi phí tài chính	22	30	28.089.303.168	28.524.117.934
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.061.419.378	23.547.486.285
Chi phí bán hàng	25	31	7.223.512.283	6.291.300.886
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	15.108.680.810	16.863.874.358
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		21.291.944.888	904.225.163
Thu nhập khác	31	33	35.637.452.000	21.419.729.747
Chi phí khác	32	34	1.807.332.247	3.915.017.284
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		33.830.119.753	17.504.712.463
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		55.122.064.641	18.408.937.626
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.849.573.069	2.713.096.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		48.272.491.572	15.695.841.103

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		55.122.064.641	18.408.937.626
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		27.777.510.936	17.743.191.773
Các khoản dự phòng	03		4.116.009.760	478.841.285
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(35.842.338)	953.453.843
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(31.406.293.438)	(13.619.848.702)
Chi phí lãi vay	06		25.061.419.378	23.547.486.285
Các khoản điều chỉnh khác	07		(33.532.252.504)	(14.798.802.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		47.102.616.435	32.713.259.532
Biến động các khoản phải thu	09		3.865.747.801	15.260.717.812
Biến động hàng tồn kho	10		17.341.936.617	(5.947.119.619)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		38.867.262.765	25.932.986.094
Biến động chi phí trả trước	12		5.936.889.820	(4.525.131.547)
			113.114.453.438	63.434.712.272
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.248.333.183)	(20.933.364.550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.153.796.238)	(1.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		976.416.320	38.266.554.469
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(748.604.001)	(933.264.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80.940.136.336	78.834.638.191

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(338.409.176.913)	(83.864.323.744)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.740.721.409	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(116.850.000.000)	(25.920.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		147.252.729.421	47.557.270.579
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		685.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		16.876.376.954	12.344.955.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(286.704.349.129)	(49.882.098.041)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.000.137.986.025	665.448.848.406
Tiền trả nợ gốc vay	34		(765.921.602.835)	(683.558.711.277)
Tiền trả cổ tức	36		(7.318.520.500)	(6.904.387.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		226.897.862.690	(25.014.249.871)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.133.649.897	3.938.290.279
Tiền đầu năm	60		8.249.659.402	4.247.728.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(233.003.592)	63.640.443
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	29.150.305.707	8.249.659.402

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 7 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 1.308 nhân viên (1/1/2017: 1.199 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 8 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	485.742.000	280.154.711
Tiền gửi ngân hàng	28.664.563.707	7.969.504.691
	29.150.305.707	8.249.659.402

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	91.000.000.000	91.000.000.000	121.392.729.421	121.392.729.421

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 1% đến 4,8% (2016: 4,8%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			1/1/2017				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633		52,52%	52,52%	2.876.479.633	
• Công ty CP Chân len Dệt May Nam Định	87,78%	87,78%	10.533.260.000		87,78%	87,78%	10.533.260.000	
• Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	86,34%	86,34%	4.317.000.000		86,34%	86,34%	4.317.000.000	
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000		53,46%	53,46%	4.009.500.000	
• Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định	90,88%	90,88%	27.264.000.000		90,88%	90,88%	27.264.000.000	
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	78,65%	78,65%	4.326.000.000		78,65%	78,65%	4.326.000.000	
• Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	89,00%	89,00%	4.450.000.000		89,00%	89,00%	4.450.000.000	
			<u>57.776.239.633</u>				<u>57.776.239.633</u>	
▪ Công liên kết								
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	2.352.674.793		41,82%	41,82%	2.352.674.793	
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000		36,92%	36,92%	23.000.000.000	
			<u>25.352.674.793</u>				<u>25.352.674.793</u>	
▪ Đơn vị khác								
• Công ty CP Bông Miền Bắc			-				428.047.444	
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000				1.348.555.000	
			<u>1.348.555.000</u>				<u>1.776.602.444</u>	
			<u>84.477.469.426</u>				<u>84.905.516.870</u>	
								(*)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1.182.254.004	718.549.543
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	114.481.455.006	109.872.599.911
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	3.125.371.054	5.687.785.490
Công ty CP Sợi Thanh Châu	2.254.229.989	2.442.738.338
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định	273.103.148	230.704.849
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	3.601.983.151	3.483.587.965
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	182.590.600	372.415.597
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	36.907.927.025	35.752.543.674
	162.008.913.977	158.560.925.367

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất 7,8% (2016: 7,5%) một năm khi quá hạn mà các công ty liên quan này chưa thanh toán.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty con)	7.600.000.000	7.610.000.000

Các khoản cho vay cấp cho công ty con không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 6% (2016: 6%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải thu các công ty con	4.040.870.400	5.328.766.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty con	712.731.210	147.055.842
Phải thu các công ty con về tiền đất cho thuê	4.470.641.854	920.076.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	2.924.339.219	18.451.713.675
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	451.241.179	382.053.281
Phải thu về giá trị còn lại của tài sản trên đất di dời được đền bù (Thuyết minh 34)	-	805.845.932
Phải thu khác	258.722.915	225.676.444
	<hr/>	<hr/>
	16.058.546.777	26.261.187.174

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong năm, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong năm. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 2 năm	3.573.951.865	(2.501.766.306)	1.072.185.559
Textile International N.V	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	323.176.038	(323.176.038)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 2 năm	118.515.062	(82.960.543)	35.554.519
	Từ 6 tháng đến 1 năm	137.827.154	(41.348.146)	96.479.008	1 năm	-	-	-
Khác	Từ 2-3 năm	174.911.931	(122.438.352)	52.473.579	Từ 2-3 năm	53.865.361	(37.705.753)	16.159.608
Khác	Trên 3 năm	856.133.527	(856.133.527)	-	Trên 3 năm	812.104.931	(812.104.931)	-
		4.170.447.039	(4.021.494.452)	148.952.587		4.881.613.257	(3.757.713.571)	1.123.899.686
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(4.021.494.452)				(3.757.713.571)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.662.644.761	-	20.792.839.143	-
Nguyên vật liệu	46.895.725.675	-	29.968.802.183	-
Công cụ và dụng cụ	227.412.424	-	205.649.648	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.394.504.949	-	9.062.877.457	-
Thành phẩm	29.004.593.352	(4.140.160.047)	36.874.127.259	(2.006.854.580)
Hàng hóa	11.135.363.296	(1.718.923.412)	14.554.238.314	-
Hàng gửi đi bán	58.233.665	-	5.261.880.735	-
	99.378.478.122	(5.859.083.459)	116.720.414.739	(2.006.854.580)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 10.832 triệu VND thành phẩm và 9.491 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 5.004 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	90.333.418.303	1.401.817.047	426.164.341.807	14.478.933.715	532.378.510.872
Mua mới trong năm	110.628.400	-	-	-	110.628.400
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	91.765.741.488	202.442.923	52.583.335.056	4.030.394.042	148.581.913.509
Thanh lý	(7.213.496.170)	-	(29.288.690.896)	-	(36.502.187.066)
Giảm khác	-	-	(948.180.682)	-	(948.180.682)
Số dư cuối năm	174.996.292.021	1.604.259.970	448.510.805.285	18.509.327.757	643.620.685.033
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	43.997.104.415	1.206.093.463	308.615.608.778	4.808.122.462	358.626.929.118
Khấu hao trong năm	7.014.770.144	60.625.275	15.820.724.303	1.769.132.673	24.665.252.395
Thanh lý	(2.579.998.902)	-	(28.448.975.041)	-	(31.028.973.943)
Giảm khác	-	-	(640.237.064)	-	(640.237.064)
Số dư cuối năm	48.431.875.657	1.266.718.738	295.347.120.976	6.577.255.135	351.622.970.506
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	46.336.313.888	195.723.584	117.548.733.029	9.670.811.253	173.751.581.754
Số dư cuối năm	126.564.416.364	337.541.232	153.163.684.309	11.932.072.622	291.997.714.527

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 217.430 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 243.833 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 234.056 triệu VND (1/1/2017: 120.716 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.660.565.377
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.531.370.909
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.191.936.286
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.007.882.282
Khấu hao trong năm	505.694.315
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.513.576.597
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.652.683.095
Số dư cuối năm	6.678.359.689
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	121.671.392.258	97.178.992.655
Tăng trong năm	365.736.439.845	83.724.197.380
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(148.581.913.509)	(46.125.086.617)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(630.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.761.965.557)	(916.823.921)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.531.370.909)	-
Chi phí di dời được hỗ trợ	-	(11.559.887.239)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	327.532.582.128	121.671.392.258
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Nhà máy Sợi 3,12 vạn cọc	311.604.799.059	6.689.758.596
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	337.053.941	69.725.226.915
San nền và giải phóng mặt bằng ở		
Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.297.821.982	18.329.264.068
Các công trình khác	2.292.907.146	26.927.142.679
	<hr/>	<hr/>
	327.532.582.128	121.671.392.258
	<hr/>	<hr/>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.580 triệu VND (2016: 2.644 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 302.076 triệu VND (1/1/2017: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 0).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	2.056.260.792	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	61.771.259	48.282.028
	2.118.032.051	48.282.028

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	-	9.959.647.610	9.959.647.610
Tăng trong năm	-	1.377.928.636	1.377.928.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.520.971.000	3.240.994.557	9.761.965.557
Phân bổ trong năm	(3.119.972.688)	(9.384.568.479)	(12.504.541.167)
	3.400.998.312	5.194.002.324	8.595.000.636

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	6.083.153.205	2.613.384.449
Các bên liên quan khác	300.000.000	770.451.000
Bên thứ ba		
Cargill Cotton Limited	68.203.934.190	-
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd.	-	16.238.295.931
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	5.326.404.777	12.137.784.358
Các nhà cung cấp khác	92.714.461.014	70.090.171.471
	172.627.953.186	101.850.087.209

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	143.531.660.724	101.850.087.209
Dài hạn	29.096.292.462	-
	172.627.953.186	101.850.087.209

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(497.129.549)	47.455.115.835	(47.426.765.409)	(468.779.123)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	20.775.596	29.838.734.601	(29.831.429.328)	28.080.869
Thuế nhập khẩu	-	1.191.865.090	(1.191.865.090)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	653.796.238	6.849.573.069	(8.153.796.238)	(650.426.931)
Thuế thu nhập cá nhân	37.217.768	255.405.295	(237.123.151)	55.499.912
Thuế tài nguyên	16.490.940	150.571.051	(154.612.817)	12.449.174
Tiền thuê đất	-	2.458.932.133	(2.458.932.133)	-
Các loại thuế khác	(26.490.841)	105.702.451	(102.832.000)	(23.620.390)
	204.660.152	88.305.899.525	(89.557.356.166)	(1.046.796.489)
<i>Trong đó</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	(523.620.390)			(1.142.826.444)
Thuế phải nộp Nhà nước	728.280.542			96.029.955

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	349.875.933	445.814.566
Chi phí điện, nước phải trả	835.105.348	735.462.123
Chi phí khác	349.454.545	303.000.000
	1.534.435.826	1.484.276.689

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	143.871.719	1.795.631.640
Cổ tức phải trả	940.136.500	778.657.000
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	224.800.525	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	857.730.000	3.211.383.364
	2.166.538.744	5.785.672.004

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	26.212.500.000	74.882.125.734
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	26.331.923.822	75.001.549.556

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	308.264.254.592	638.133.376.813	(703.596.510.017)	(121.294.777)	242.679.826.611	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 190)	4.247.590.931	5.717.969.859	(4.247.590.931)	-	5.717.969.859	
	312.511.845.523	643.851.346.672	(707.844.100.948)	(121.294.777)	248.397.796.470	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan				
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	-	-	64.999.388.608
Bên thứ ba				
Vay ngân hàng 1	VND	6%	13.708.792.640	35.110.890.905
Vay ngân hàng 2	USD	2,9% - 3%	52.604.994.582	71.863.913.022
Vay ngân hàng 3	VND	7,4%	36.246.802.726	44.138.370.661
Vay ngân hàng 4	USD	-	-	16.713.468.018
Vay ngân hàng 5	USD	3,8%	5.277.729.273	-
Vay ngân hàng 6	VND	8%	32.939.866.984	17.206.024.691
Vay ngân hàng 7	VND	-	-	24.632.520.150
Vay ngân hàng 8	USD	3.1% - 3.3%	56.632.879.392	22.785.328.050
Vay ngân hàng 9	USD	4,5%	18.639.602.657	-
Vay cá nhân	VND	5,16% - 6%	26.629.158.357	10.814.350.487
			242.679.826.611	308.264.254.592

(*) Trong năm, khoản vay này đã được gia hạn và được phân loại sang vay dài hạn.

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 26.982 triệu VND (1/1/2017: 37.370 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Số dư đầu năm	155.745.440.097	135.782.782.128
Tăng trong năm	362.688.833.515	26.664.960.099
Vay ngắn hạn được gia hạn	64.999.388.608	-
Tiền vay hoàn trả trong năm	(123.076.890.495)	(2.742.350.180)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(133.252.654)	287.638.981
Số dư cuối năm	460.223.519.071	159.993.031.028
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(5.717.969.859)	(4.247.590.931)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	454.505.549.212	155.745.440.097

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (i)	VND	5% - 6%	2023	64.999.388.608	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (ii)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	134.052.944.328	19.759.284.840
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (i)	VND	7,5%	2019	9.000.000.000	-
Bên thứ ba					
Vay từ ngân hàng 1 (iii)	VND	8%	2023	89.215.170.950	121.092.729.421
Vay từ ngân hàng 2	USD	4,85%	2022	13.887.442.018	16.902.688.927
Vay từ ngân hàng 3	USD	6,5%	2022	260.997.800	784.887.600
Vay từ ngân hàng 4	USD	4,5%	2024	737.935.740	849.596.400
Vay từ ngân hàng 5 (iii)	USD	4%	2022	145.638.089.627	603.843.840
Vay từ ngân hàng 6	VND	10%	2022	2.431.550.000	-
				460.223.519.071	159.993.031.028

- (i) Các khoản vay này không được đảm bảo.
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 133.647 triệu VND (1/1/2017: 55.090 triệu VND).
- (iii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 302.076 triệu VND (1/1/2017: Không) (Thuyết minh 13).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 73.427 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 28.256 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	136.000.000.000	10.193.875.041	13.618.984.979	159.812.860.020
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	15.695.841.103	15.695.841.103
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi Cổ tức	-	-	(680.949.249)	(680.949.249)
	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	136.000.000.000	10.193.875.041	21.833.876.833	168.027.751.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	48.272.491.572	48.272.491.572
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(574.155.074)	(574.155.074)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	10.765.407.625	(10.765.407.625)	-
	-	-	(7.480.000.000)	(7.480.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	136.000.000.000	20.959.282.666	51.286.805.706	208.246.088.372

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

24. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.480 triệu VND cho các cổ đông (2016: 6.800 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Từ hai đến năm năm	6.991.610.083	5.308.703.500
Sau năm năm	58.697.005.583	63.875.690.500
	65.688.615.666	69.184.394.000
	65.688.615.666	69.184.394.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	184.277	4.175.776.854	123.038	2.795.363.848
EUR	339	9.179.988	339	8.080.273
		4.184.956.842		2.803.444.121
		4.184.956.842		2.803.444.121

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.500.000.000	445.224.554.000
	4.500.000.000	445.224.554.000
	4.500.000.000	445.224.554.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	635.287.542.839	539.807.872.800
▪ Cung cấp dịch vụ	42.869.034.971	40.916.588.790
▪ Dịch vụ gia công	88.732.996.084	61.359.267.574
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.926.055.428	2.246.661.820
	769.815.629.322	644.330.390.984
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(52.663.610)
	769.815.629.322	644.277.727.374

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017	2016
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	617.780.372.917	522.527.805.456
Dịch vụ đã cung ứng	27.457.147.798	30.095.804.940
Dịch vụ gia công	89.844.463.062	61.167.388.293
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.394.647.539	1.050.251.343
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.852.228.879	51.375.185
	740.328.860.195	614.892.625.217

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	6.367.138.122	7.932.676.769
Lãi do người mua chậm trả	7.211.061.501	6.488.594.601
Cổ tức được chia	24.787.018.600	5.403.766.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.604.356.907	3.372.327.792
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	256.952.556	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	144.336	1.051.022
	42.226.672.022	23.198.416.184
	42.226.672.022	23.198.416.184

30. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.061.419.378	23.547.486.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.027.883.790	4.976.631.649
	28.089.303.168	28.524.117.934
	28.089.303.168	28.524.117.934

31. Chi phí bán hàng

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.660.815.289	1.589.688.405
Chi phí đại lý bán hàng	1.600.471.017	951.966.628
Chi phí xuất khẩu	2.827.756.805	2.860.753.887
Chi phí bán hàng khác	1.134.469.172	888.891.966
	7.223.512.283	6.291.300.886
	7.223.512.283	6.291.300.886

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	4.117.809.189	8.991.896.560
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	234.316.880	427.466.100
Chi phí phân bổ trả trước	4.123.259.836	803.935.997
Chi phí khấu hao	493.426.686	576.010.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.139.868.219	6.064.564.958
	15.108.680.810	16.863.874.358

33. Thu nhập khác

	2017	2016
	VND	VND
Tiền đền bù tài sản trên đất di dời (*)	34.646.042.054	17.861.583.211
Lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	-	283.405.933
Tiền bồi thường nhận được	688.090.453	429.371.507
Các khoản thu nhập khác	303.319.493	2.845.369.096
	35.637.452.000	21.419.729.747

(*) Đây là giá trị đền bù tài sản trên đất di dời Giai đoạn 2 của Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định mà Tổng Công ty đã được ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (Thuyết minh 18(b)). Khoản thu nhập này được ghi nhận khi Tổng Công ty hoàn tất thực hiện việc bàn giao mốc địa giới của mặt bằng với Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định và Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Nam Định.

34. Chi phí khác

	2017	2016
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản trên đất di dời được đền bù	805.845.932	3.062.780.633
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.815.840	-
Chi phí khác	996.670.475	852.236.651
	1.807.332.247	3.915.017.284

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	324.764.756.217	257.546.047.919
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	203.016.145.939	185.569.275.069
Chi phí nhân công	88.577.733.231	91.643.358.230
Chi phí khấu hao	27.777.510.936	17.743.191.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.872.933.830	57.345.491.366
Chi phí khác	22.736.403.744	15.037.390.270

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.122.064.641	18.408.937.626
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	11.024.412.928	3.681.787.525
Chi phí không được khấu trừ thuế	782.563.861	112.062.198
Thu nhập không bị tính thuế	(4.957.403.720)	(1.080.753.200)
	6.849.573.069	2.713.096.523

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.459.211.504	328.325.140
Vay	113.725.000.000	23.907.270.533
Hoàn trả khoản vay	-	34.147.985.693
Lãi vay và phí nhập gốc vay	684.224.303	-
Chi phí lãi vay	3.523.232.900	4.342.816.146
Công ty con		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định		
Cổ tức	283.620.000	283.620.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	47.693.276	83.694.802
Mua dịch vụ	10.256.634.756	4.567.259.359
Vay	9.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	325.416.667	-
Lãi do người mua chậm trả	109.093.852	-
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	421.330.400	1.053.326.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.567.440.417	9.108.413.986
Mua hàng hóa	238.530.000	347.293.000
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Cổ tức	431.700.000	431.700.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	48.005.384.613	48.685.441.605
Mua hàng hóa	22.528.586.401	24.109.609.300
Khoản cho vay	1.600.000.000	2.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	1.600.000.000	2.900.000.000
Thu nhập lãi vay	5.666.661	15.271.047
Lãi do người mua chậm trả	138.321.080	884.427.206
Bán máy móc thiết bị	254.545.455	-
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Đầu tư vào công ty con	-	1.336.500.000
Cổ tức	400.950.000	721.710.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.476.103.804	-
Khoản cho vay	1.000.000.000	10.400.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	1.000.000.000	14.100.000.000
Thu nhập lãi vay	22.177.444	220.602.680

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Cổ tức	1.635.840.000	1.908.480.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	231.544.396.471	202.506.084.186
Mua hàng hóa	150.858.225.247	128.781.706.452
Lãi do người mua chậm trả	6.860.302.921	5.499.404.227
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Cổ tức	-	222.500.000
Bán hàng hóa	29.178.964.559	16.804.157.838
Mua hàng hóa	31.590.799.382	19.636.961.064
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Cổ tức	346.080.000	346.080.000
Mua hàng hóa	-	219.352.035
Khoản cho vay	12.200.000.000	12.620.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	12.210.000.000	11.650.000.000
Thu nhập lãi vay	552.704.940	538.857.647
Lãi do người mua chậm trả	212.437.500	104.763.167
Bán hàng hóa	1.160.535.088	1.624.120.845
Bán máy móc thiết bị	-	2.527.549.627
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	20.750.000.000	-
Bán hàng hóa	47.872.697	-
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	976.416.320	38.266.554.469
Công ty CP Bông Miền Bắc		
Cổ tức	40.000.000	75.000.000
Thoái vốn	428.047.444	-
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cổ tức	361.350.000	361.350.000
Cung cấp dịch vụ	696.358.858	2.211.657.990
Công ty CP Sợi Phú Bài		
Biếu tặng máy móc thiết bị	307.943.618	-
Công ty CP May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.261.156.276	3.178.559.400
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	666.736.673	1.058.695.761

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong năm	15.000.000.000	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	684.224.303	-
Bù trừ khoản phải thu với khoản tăng đầu tư vào công ty con	-	1.336.500.000
Giá trị còn lại của tài sản chờ hỗ trợ di dời	-	1.273.177.489
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chờ hỗ trợ di dời	-	11.559.887.239

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng

